TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 22/7/2020
V/v: *"Tranh chấp*
Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Thị Trang**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. **Ông Phạm Xuân Thành**
2. Ông Đào Minh Phấn
- *Thư ký phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Huế** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:* **ông Võ Hữu Lục** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2019/TLST-DS ngày 24/12/2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng CSXH**.

Địa chỉ: 169 phố LĐ, phường H, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H** – Giám đốc phòng giao dịch NHCSXH huyện Ninh Hải. Ông H ủy quyền lại cho bà **Nguyễn Thị BH** – Phó giám đốc tham gia tố tụng. Có mặt.

Địa chỉ: KP K, thị trấn KH, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- *Bị đơn:* Ông **Trần QY** – sinh năm: 1967 và bà **Mai Thị MD** – sinh năm: 1968; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị BH trình bày:

Ngày 05/05/2005 bà Mai Thị MD và ông Trần QY được UBND xã Tân Hải, huyện Ninh Hải xét duyệt, giới thiệu cho PGD NHCSXH huyện Ninh Hải cho vay vốn từ chương trình tín dụng Hộ nghèo sản xuất kinh doanh chăn nuôi với mã Hợp đồng tín dụng (HĐTD): 6000003800009771 là 5.000.000đồng. Từ ngày 30/10/2007 đến ngày 21/4/2010 ông QY, bà MD lại vay vốn thuộc chương trình Học sinh sinh viên (HSSV) có hoàn cảnh khó khăn cho con gái là sinh viên Trần Thị Cẩm L với số tiền 24.600.000 đồng với mã HĐTD: 6000003800001202. Tổng 02 khoản vay là: 29.600.000 đồng (*Hai mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng*). Tuy nhiên khi đến hạn bà Mai Thị MD và ông Trần QY không thực hiện trả nợ theo cam kết, chỉ trả được một phần nợ và còn nợ lại 7.400.000 đồng chưa trả. Cán bộ tín dụng của PGD NHCSXH huyện đã phối hợp với chính quyền địa phương, các hội đoàn thể, tổ tiết kiệm và vay vốn nhiều lần đến gia đình ông bà vận động, đôn đốc trả nợ nhưng gia đình ông Y, bà D vẫn không chấp hành việc trả nợ theo quy định.

Ông Trần QY và bà Mai Thị MD còn nợ Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/12/2019 là: **20.024.822 đồng** (*Hai mươi triệu không trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi hai đồng*). Trong đó: tiền nợ gốc là **7.400.000 đồng** (*Bảy triệu bốn trăm ngàn đồng*), tiền lãi đến ngày 13/12/2019 là: **12.624.822** (*Mười hai triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi hai đồng*).

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông Y bà D trả **7.400.000** đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2020 là **13.083.876** đồng, trong đó:

- HĐTD chương trình vay Hộ nghèo số 6000003800009771 lập ngày 05/05/2005 còn nợ gốc: 4.800.000 đồng, lãi: 1.464.336 đồng.
- HĐTD chương trình vay HSSV số 6000003800001202 lập ngày 30/10/2007 còn nợ gốc: 2.600.000 đồng, lãi: 11.619.540 đồng.

Yêu cầu ông Y, bà D tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/7/2020 theo các Hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần QY, bà Mai Thị MD không đến Tòa, vắng mặt tại phiên tòa và không gửi bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Trần QY, bà Mai Thị MD trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng và tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/7/2020 theo các Hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả xét hỏi công khai và nghe ý kiến phát biểu tranh luận của nguyên đơn tại phiên tòa.

Sau khi Hội đồng xét xử nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền nợ vay. Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Đương sự có nơi cư trú tại huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

Tống đạt văn bản tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Trần QY và bà Mai Thị MD. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 16/7/2020, Tòa án mở phiên tòa nhưng ông Y, bà D vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 22/7/2020. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Y, bà D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 05/05/2005, giữa ông Trần QY, bà Mai Thị MD và NHCSXH có xác lập Hợp đồng tín dụng số: 6000003800009771 cho vay Hộ nghèo sản xuất kinh doanh chăn nuôi số tiền 5.000.000đồng. Ông Y bà D đã trả được 200.000 đồng tiền gốc. Còn nợ 4.800.000 đồng tiền gốc và 1.464.336 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2.2] Từ ngày 30/10/2007 đến ngày 21/4/2010 ông Y, bà D và NHCSXH xác lập Hợp đồng tín dụng số: 6000003800001202 cho vay vốn thuộc chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đối với Trần Thị Cẩm L số tiền vay là 24.600.000 đồng. Khoản vay này ông Y, bà D đã trả được 22.000.000 đồng tiền gốc. Còn nợ 2.600.000 đồng tiền gốc và 11.619.540 đồng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2.3] Căn cứ các điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Buộc ông Y, bà D phải trả cho NHCSXH số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng vay là **7.800.000** đồng (*Bảy triệu tám trăm ngàn đồng*) và tiền nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là: **13.083.876** đồng (*Mười ba triệu không trăm tám mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó: HĐTD chương trình vay Hộ nghèo số 6000003800009771 lập ngày 05/05/2005 nợ gốc: 4.800.000 đồng, lãi: 1.464.336 đồng; HĐTD chương trình vay HSSV số 6000003800001202 lập ngày 30/10/2007 nợ gốc: 2.600.000 đồng, lãi: 11.619.540 đồng.

Ông Y, bà D tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 23/7/2020 theo các Hợp đồng tín dụng số 6000003800009771 ngày 05/05/2005 và HĐTD số 66000003800001202 ngày 30/10/2007 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên bố:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Trần QY, bà Mai Thị MD.

Tuyên xử:

Buộc ông Y, bà D phải liên đới trả cho NHCSXH số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng vay là **7.800.000** đồng (*Bảy triệu tám trăm ngàn đồng*) và tiền nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là: **13.083.876** đồng (*Mười ba triệu không trăm tám mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông Y, bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Ông Trần QY, bà Mai Thị MD liên đới phải chịu **1.044.000**[đ] (*Một triệu không trăm bốn mươi bốn ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/7/2020). Bị đơn vắng mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- THA dân sự huyện Ninh Hải;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Ngô Thị Trang